ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Phát triển giao thông nông thôn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 2866/QĐ-UBND ngày 31 /12/2025 của UBND tỉnh)

Phần I
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trải qua hơn 25 năm thực hiện công tác phát triển giao thông nông thôn (sau đây viết tắt là GTNT) và 02 năm thí điểm thực hiện đề án xây dựng cầu trên đường giao thông nông thôn, hệ thống đường và cầu GTNT trên địa bàn tỉnh đã có bước phát triển căn bản và nhảy vọt, làm thay đổi không chỉ về số lượng mà còn nâng cao về chất lượng, mỹ quan các tuyến đường về tới tận thôn, ngõ xóm, một số cầu sau khi được đầu tư hoàn thành góp phần giải quyết nhu cầu đi lại của nhân dân, đặc biệt là trong mùa mưa lũ, tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa dần thay đổi điều kiện sống, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, thu hút đầu tư về khu vực nông thôn, tạo công ăn việc làm, xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội.

Để tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được của Đề án phát triển GTNT giai đoạn 2021-2025, Đề án xây dựng, quản lý, khai thác, bảo trì cầu trên đường giao thông nông thôn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2024-2030, đồng thời **hợp nhất** 02 Đề án phát triển đường giao thông nông thôn và cầu trên đường giao thông nông thôn để thuận tiện cho công tác quản lý, hạn chế phát sinh nhiều văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 về GTNT tỉnh Lạng Sơn phù hợp với chiến lược phát triển GTNT của cả nước, đồng thời tạo điều kiện phát triển nông nghiệp, nông thôn, cải thiện nâng cao mức sống của người nông dân, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi khó khăn, góp phần hoàn thành chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh thì việc tiếp tục triển khai các giải pháp để nâng cao tỷ lệ cứng hóa GTNT, xây dựng hoàn thành cầu GTNT trên địa bàn tỉnh là rất cần thiết, đáp ứng nguyện vọng của Nhân dân, phù hợp chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tạo nên sự đột phá trong việc thực hiện thắng lợi chương trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh.

II . CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Nghị quyết số 19- NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Quyết định số 1509/QĐ-BGTVT ngày 08/7/2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt chiến lược phát triển giao thông nông thôn Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2025-2030 số 01-NQ/ĐH ngày 26/9/2025;

Chương trình hành động số 84-CTr/TU ngày 09/5/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh về Thực hiện Chương trình hành động số 84-CTr/TU ngày 09/5/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Phần II
THỰC TRẠNG MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG TỈNH LẠNG SƠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. KHÁI QUÁT MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn toàn tỉnh hiện có tổng số 12.674 km, trong đó:

1. Đường cao tốc đoạn CT03 từ Km45+100 - Km109+080,3, địa phận tỉnh dài 43,2km.

2. Quốc lộ có 07 tuyến, tổng chiều dài 554 km gồm các quốc lộ: 1, 1B, 3B, 4A, 4B, 31 và quốc lộ 279.

3. Đường tỉnh có 24 tuyến với tổng chiều dài 717,12 km;

4. Đường huyện có 110 tuyến với tổng chiều dài 1.408 km;

5. Đường đô thị tại 11 huyện, thành phố cũ có tổng chiều dài 201 km; đường tuần tra biên giới dài trên 232 km.

6. Đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh *(Theo phân loại đường đến hết năm 2024)* có tổng chiều dài 9.519,0 km, chia ra:

a) Hệ thống đường xã có tổng 931 tuyến với chiều dài: 2.731,7 km, đã cứng hoá được 2.151,9 km, tỷ lệ cứng hoá đạt 79%;

b) Hệ thống đường trục thôn có tổng chiều dài: 2.255,6 km; đã cứng hoá được 1.581,3 km, tỷ lệ cứng hoá đạt 70%;

c) Hệ thống đường ngõ xóm có tổng chiều dài: 4.079,9 km; đã cứng hoá được 2.500,4 km, tỷ lệ cứng hoá đạt 61%;

d) Hệ thống đường trục chính nội đồng có tổng chiều dài: 446,6 km; đã cứng hoá được 194,2 km, tỷ lệ cứng hoá đạt 43%;

(Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

II. KHÁI QUÁT MẠNG LƯỚI CẦU TRÊN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN

Qua điều tra khảo sát tổng số vị trí, công trình cầu, ngầm tràn, cống lớn là: 823 vị trí, công trình. Trong đó:

+ Cầu gỗ, tre: 65 cầu/727,2 md.

+ Cầu bê tông cốt thép + xây đá: 395 cầu/ 5.521,15 md.

+ Cầu thép, dàn thép: 6 cầu/ 88 md.

+ Cầu thép liên hợp: 29 cầu/504,4 md.

+ Cầu treo: 10 cầu/666,4 md.

+ Ngầm tràn, cống lớn: 318 công trình/3.803,44 md.

- Trong tổng số 823 cầu, ngầm (có chiều dài nhịp trên 6m), qua đánh giá hiện trạng và tham khảo người dân địa phương thì:

+ Số công trình còn bền vững, chỉ cần bảo dưỡng thường xuyên là 452 công trình/6.681,69 md.

+ Số cầu hư hỏng cần phải sửa chữa, nâng cấp, cải tạo là 111 công trình/1.525,6 md.

+ Số cầu hỏng, cầu yếu, cầu hẹp cần phải xây dựng mới là 260 công trình/2.903,3 md.

- Trên toàn tỉnh trong giai đoạn 2026-2030 có khoảng 120 cây cầu cần được đầu tư xây mới.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GTNT GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Mục tiêu: đến năm 2025, 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; tổng số thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt 1.480 thôn/1.850 thôn (đạt tỷ lệ 80%). Trong giai đoạn 2021-2025 cứng hóa thêm được 1.750 km mặt đường GTNT các loại (tương ứng mỗi năm cứng hóa được 350 km), nâng tổng số mặt đường GTNT được cứng hóa đến hết năm 2025 đạt 6.705km/11.011 km (đạt tỷ lệ 60,89%).

2. Kết quả triển khai thực hiện:

- Kết quả giai đoạn 2021-2025 đã nhựa hóa, bê tông hóa được 124,5km đường đến trung tâm xã, nâng tổng số xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt 175/175 xã, tỷ lệ 100%. Số thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa là 1.325/1.452 thôn đạt tỷ lệ 91,25%, **đạt và vượt** mục tiêu đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 (mục tiêu Nghị quyết đề ra đạt 80%).

Kết quả trong giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh đã làm được 2.162km đường các loại[1], **đạt và vượt 24%** so với mục tiêu đề ra (mục tiêu Đề án đề ra đạt 1.750km), Tổng số Km đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh có tổng chiều dài 9.519 Km, đã cứng hoá được 6.427,7, tỷ lệ cứng hoá đạt 68%, **đạt và vượt trên 7,1%** so với mục tiêu đề ra (mục tiêu Đề án đề ra đạt 60,89%). 100% nhân dân tự nguyện hiến đất làm đường giao thông nông thôn.

(*Chi tiết tại Phụ lục số 02, 03 kèm theo*)

3. Kết quả huy động nguồn vốn: trong giai đoạn 5 năm (2021-2025), tổng số nguồn vốn hỗ trợ và huy động để làm đường GTNT là **2.211,4 tỷ đồng**, tăng 1.103,4 tỷ đồng so với giai đoạn 2016-2020 (tương ứng tăng 99,6%), cụ thể:

[1] trong đó làm được 721Km đường trục xã (tăng 15% so với giai đoạn 2016-2020), làm được 1.441Km đường trục thôn, ngõ xóm, nội đồng (tăng 3,4%). Qua đó nâng tỷ lệ đường trục xã được cứng hoá được 2.151,9Km/2.736,8 Km, đạt tỷ lệ cứng hoá đạt 79%, vượt mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh về phê chuẩn Đề án phát triển Giao thông nông thôn giai đoạn 2021-2025 (mục tiêu đề ra cứng hoá được thêm 425Km, nâng tỷ lệ cứng hoá đường xã trên toàn tỉnh đạt 65%);

- Vốn ngân sách tỉnh phân bổ: **309,236 tỷ đồng**[2], tăng 97,3 tỷ đồng so với giai đoạn 2016-2020 (tương ứng tăng 46%), hỗ trợ đầu tư hệ thống đường xã;

- Vốn ngân sách huyện: **356,95 tỷ đồng**, tăng 208,75 tỷ đồng so với giai đoạn 2016-2020 (tương ứng tăng 141%); hỗ trợ đầu tư hệ thống đường thôn, ngõ xóm;

- Vốn huy động xã hội hóa bao gồm: khoảng **226,0 tỷ đồng**, giảm 53,8 tỷ đồng so với giai đoạn 2016-2020 (tương ứng giảm 19%);

- Vốn lồng ghép khác: **1.319,27 tỷ đồng**, tăng 1.013,7 tỷ đồng so với giai đoạn 2016-2020 (tương ứng tăng 331%).

(Có biểu phụ lục 02 kèm theo)

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, KHAI THÁC, BẢO TRÌ CẦU TRÊN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN TỈNH LẠNG SƠN, GIAI ĐOẠN 2024-2025

1. Mục tiêu: giai đoạn 2024-2025 thực hiện thí điểm 20 cầu trên địa bàn các huyện, trong đó mỗi năm hoàn thành 10 cầu giao thông nông thôn.

2. Kết quả triển khai thực hiện: trong quá trình triển khai Đề án, 100% Nhân dân tự nguyện hiến đất làm cầu giao thông nông thôn. Đến nay đã cơ bản hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng 10/10 cầu đầu tư xây dựng năm 2024. 10/10 danh mục cầu năm 2025 hiện đang thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư để khởi công thi công xây dựng. Tuy nhiên, vị trí xây dựng một số cầu ở vùng sâu, xa, địa hình phức tạp, mật độ dân cư thấp, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do vậy việc huy động kinh phí xã hội hoá từ người dân để thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, nhu cầu nguồn vốn xã hội hóa cần huy động còn thiếu nhiều (khoảng trên 10 tỷ đồng để thực hiện các danh mục dự án cầu năm 2024 và năm 2025); sau khi thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, không còn cấp huyện, các xã mới đi vào hoạt động gặp nhiều khó khăn trong việc bố trí ngân sách. Dự kiến phấn đấu hoàn thành trước Tết Nguyên đán 2026 (trước ngày 17/02/2026).

3. Kết quả huy động nguồn vốn: trong giai đoạn năm 2024-2025, tổng số nguồn vốn hỗ trợ và huy động thực hiện Đề án là **19,460 tỷ đồng**, cụ thể:

- Vốn ngân sách tỉnh phân bổ: **10,463 tỷ đồng**[3];

---

[2] + Quyết định số 656/QĐ-UBND ngày 20/3/2021: 20,0 tỷ đồng;
+ Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 11/3/2022: 20,0 tỷ đồng;
+ Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 05/8/2022: 50,0 tỷ đồng;
+ Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 18/12/2022: 50,0 tỷ đồng.
+ Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 17/3/2023: 30,0 tỷ đồng;
+ Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 17/7/2023: 17,05 tỷ đồng;
+ Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 06/02/2024: 40,0 tỷ đồng;
+ Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 06/6/2024: 27,205 tỷ đồng;
+ Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 23/01/2025: 40,0 tỷ đồng.
+ Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 26/6/2025: 14,976 tỷ đồng.

[3] + Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 08/8/2024 của UBND tỉnh: 6,020 tỷ đồng;
+ Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 19/3/2025 của UBND tỉnh: 4,443 tỷ đồng;

- Vốn ngân sách huyện: **5,529 tỷ đồng**;

- Vốn huy động xã hội hóa khoảng: **9,899 tỷ đồng**[4].

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt tích cực đã đạt được

- Tiếp tục khẳng định chủ trương phát triển đường và cầu GTNT trên địa bàn tỉnh với phương châm *"Nhà nước và nhân dân cùng làm". "Dân làm, nhà nước hỗ trợ"* là một chủ trương đúng đắn, đã thực sự đi vào cuộc sống của người dân, đặc biệt khu vực nông thôn. Qua đó đến nay đã hoàn thành đạt và vượt các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025 và Đề án phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2021-2025 góp phần hoàn thành tiêu chí về giao thông đối với các xã về đích nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền các cấp đã có nhiều cố gắng trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ưu tiên tập trung vốn đầu tư cho phát triển GTNT. Các công trình sau khi hoàn thành được bàn giao đưa vào sử dụng có hiệu quả.

- Công tác xã hội hóa trong xây dựng đường và cầu GTNT thực hiện tốt, các địa phương đã huy động và kết hợp các nguồn lực của nhân dân và các tổ chức khác tham gia đầu tư xây dựng GTNT. Qua đó đã khơi dậy tinh thần đoàn kết, gắn bó trong cộng đồng; tạo không khí phấn khởi, tích cực tham gia đóng góp huy động nguồn lực để chung sức xây dựng nông thôn mới, qua đó tạo người dân có trách nhiệm trong việc quản lý, bảo trì đường làng, ngõ xóm và quản lý khai thác cầu GTNT.

- Năng lực quản lý và trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác GTNT ở các cấp đã dần được nâng lên. Đẩy nhanh tiến độ các thủ tục, tổ chức thi công; tận dụng được nguồn vật liệu địa phương, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng các công trình GTNT.

- GTNT có bước phát triển mạnh mẽ đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo tiền đề xây dựng nông thôn mới, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu lưu thông, giao lưu tiêu thụ hàng hoá nông, lâm sản, từng bước nâng cao thu nhập cho người lao động nông thôn.

2. Những khó khăn hạn chế

a) Khó khăn, hạn chế:

- Mặc dù đã được quan tâm đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và có sự chuyển biến rõ rệt, nhưng hệ thống đường và cầu GTNT vẫn còn thấp kém, chưa đáp ứng nhu cầu đi lại và phát triển kinh tế - xã hội của khu vực nông thôn, nhất là đối với vùng sâu, vùng xa, biên giới.

- Nhu cầu vốn đầu tư để phát triển hạ tầng GTNT còn lớn trong khi ngân sách của tỉnh còn nhiều hạn chế dẫn đến kinh phí hằng năm bố trí cho hỗ trợ xi

[4] Trong đó Tổng Công ty thép Việt Nam-CTCP đã có văn bản đồng ý tài trợ 5 tỷ đồng; Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước đã có văn bản đồng ý tài trợ 2,2 tỷ đồng.

măng làm đường giao thông nông thôn còn khó khăn. Việc thực hiện cơ chế nhà nước hỗ trợ cả vật liệu cát, đá và một phần thi công cho các xã vùng 3, vùng đặc biệt khó khăn vẫn chưa đáp ứng đủ kinh phí theo nhu cầu.

- Kinh phí xã hội hóa làm đường và cầu GTNT đối với các huyện, xã còn hết sức khó khăn, tỷ lệ xã hội hoá huy động được ở mức thấp hơn nhiều so với quy định cơ cấu nguồn vốn; mức huy động thực hiện chưa đồng đều giữa các địa phương, một số nơi vẫn còn tư tưởng thụ động, phụ thuộc vào ngân sách tỉnh, chưa chủ động tiến hành lồng ghép được các nguồn vốn để tăng hiệu quả, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Một số công trình có quy mô phức tạp, như thi công cọc khoan nhồi đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật cao, nên một số nhà thầu khó khăn trong việc tìm kiếm đơn vị thực hiện thi công cọc khoan nhồi; một số vị trí cầu nằm trên đường dẫn vào cầu nhỏ nên ảnh hưởng đến việc huy động máy móc, biện pháp tổ chức thi công, vận chuyển vật liệu,...

- Do tác động của thực hiện chủ trương chính quyền địa phương 02 cấp, nhiều địa phương cán bộ phụ trách giao thông, xây dựng ở cấp xã còn kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, Cán bộ theo dõi công tác GTNT ở các cấp có nâng cao nhưng còn thiếu, yếu về chuyên môn, nghiệp vụ, chưa được đào tạo, tập huấn về công tác quản lý, bảo trì đường GTNT nên chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

b) Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan:

+ Do đặc điểm là tỉnh miền núi, vùng cao địa hình bị chia cắt bởi sông, suối, khe dọc, dân cư phân bố không tập trung nên các công trình đường giao thông thường có khối lượng lớn, một số vị trí xây dựng một số cầu ở vùng sâu, xa, địa hình phức tạp trong khi nguồn lực địa phương còn hạn chế dẫn đến việc đầu tư công trình nhằm phát triển giao thông nông thôn còn gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó Biến động giá cả nguyên vật liệu, thời tiết diễn biến bất thường, đặc biệt mưa lũ kéo dài cũng ảnh hưởng lớn đến nhiệm vụ phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh;

+ Nguồn kinh phí dành cho đầu tư xây dựng đường và cầu trên đường giao thông nông thôn còn phụ thuộc quá lớn vào phân bổ từ trung ương và thu ngân sách của tỉnh dẫn đến tình trạng trông chờ, ỷ lại ở một số địa phương.

+ Trình độ dân trí ở một số nơi còn thấp, các tuyến đường và cầu GTNT ở các vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, đời sống người dân còn khó khăn, dẫn đến việc huy động, đóng góp của người dân gặp nhiều hạn chế.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Hàng năm, các ngành, các địa phương chưa thực sự chủ động phối hợp đề xuất lồng ghép các nguồn vốn cùng Đề án phát triển GTNT.

+ Quy hoạch phát triển GTNT trên địa bàn huyện, xã chưa được chú

trọng, chất lượng chưa cao; các huyện chưa chủ động lập kế hoạch xây dựng hệ thống đường giao thông nông thôn ngay từ đầu năm dẫn đến sự lúng túng, thiếu chính xác trong việc tổng hợp, thực hiện các dự án xây dựng đường giao thông nông thôn.

+ Trình độ chuyên môn của Ban Quản lý dự án cấp xã còn nhiều hạn chế dẫn đến lúng túng trong thực hiện thủ tục đầu tư, công tác quản lý, giám sát xây dựng còn yếu, không kiểm soát được khối lượng xi măng đã phân bổ. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Quản lý dự án với phòng kinh tế - hạ tầng của một số huyện chưa tốt, dẫn đến việc chậm trễ, thiếu chính xác trong công tác quản lý, tổng hợp, báo cáo, đề xuất. Trong khi đó việc xây dựng công trình cầu đòi hỏi phải có chuyên môn, kỹ thuật cao, kinh phí đầu tư lớn, chưa có chính sách thu hút nguồn vốn, nguồn lực để triển khai thực hiện.

3. Bài học kinh nghiệm:

- Khẳng định những kết quả đã đạt được là phù hợp với mục tiêu, định hướng đề ra trong Nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Nơi nào Cấp ủy, chính quyền quan tâm, biết tập hợp các đoàn thể, chăm lo đến công tác tuyên truyền vận động phát động, thực hiện công khai minh bạch thì nới đó có phong trào và kết quả làm đường và cầu GTNT tốt.

- Cần lồng ghép tốt các nguồn vốn khác như nguồn vốn Chương trình MTQG, nguồn vốn xã hội hoá với Đề án để tận dụng mọi nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng GTNT.

- Cần làm tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân chung tay xây dựng hạ tầng giao thông nông thôn, chủ động lồng ghép các phong trào đoàn thanh niên, các đoàn thể xã hội, phong trào ra quân đầu xuân, các hoạt động thiện nguyện...để triển khai thực hiện. Trong đó vai trò của Bí thư chi bộ, trưởng thôn, tổ trưởng dân phố có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả và thành tích trong phát triển đường và cầu trên đường GTNT.

- Sự nghiệp phát triển GTNT trong xây dựng nông thôn mới chủ yếu là của dân, do dân, người dân trực tiếp được hưởng lợi; vì vậy cần gắn chặt trách nhiệm của người dân với công trình do họ làm nên, phân cấp cho nhân dân quản lý, sửa chữa, bảo trì và sử dụng có hiệu quả.

- Thường xuyên đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ phụ trách giao thông cấp xã về kỹ thuật, công tác quản lý, duy tu để họ tự làm, tự quản lý các công trình theo phân cấp, qua đó mới tăng hiệu quả khai thác sử dụng các công trình đã được đầu tư.

- Việc tổng kết, đánh giá, khen thưởng đúng lúc, đúng việc sẽ là động lực lớn để xây dựng phong trào, phát huy nội lực cho công tác phát triển GTNT.

Phần III
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển GTNT phải phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn nhằm tạo sự gắn kết, liên hoàn thông suốt từ mạng lưới giao thông quốc gia với đường tỉnh, đường xã, đường thôn bản; tập trung nguồn lực để đầu tư phát triển GTNT đi trước một bước tạo tiền đề, động lực phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn miền núi, góp phần xoá đói, giảm nghèo cho các xã nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, củng cố quốc phòng, an ninh của địa phương và khu vực, làm giảm bớt chênh lệch, cách biệt mức độ phát triển giữa nông thôn và thành thị.

2. Xây dựng hạ tầng giao thông là một trong những tiêu chí quan trọng, cần huy động nhiều nguồn lực, do đó phải có cơ chế, chính sách phù hợp để huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho phát triển GTNT với phương châm "dân làm, Nhà nước hỗ trợ". Tuy nhiên phải khẳng định vai trò chủ thể của Nhân dân dựa vào nội lực cộng đồng dân cư là chính, có sự hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước; khích lệ các thành phần kinh tế cùng tham gia; đảm bảo quan điểm là ***"Dân cần, dân biết, dân bàn, dân đóng góp, dân làm, dân kiểm tra, dân quản lý và dân thụ hưởng"***, đồng thời kết hợp lồng ghép và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

3. Tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, vật liệu mới, công nghệ tiên tiến kết hợp với sử dụng vật liệu tại chỗ nhằm giảm chi phí xây dựng cho các công trình GTNT. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư phát triển GTNT, tiếp tục phân cấp cho các địa phương theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

4. Tập trung cho cứng hóa mặt đường trên cơ sở nền đường cũ hiện có, thực hiện đầu tư theo hướng áp dụng thiết kế mẫu, Nhà nước hỗ trợ tối đa về vật liệu để cộng đồng dân cư tự tổ chức thực hiện, giảm những chi phí trung gian, rút ngắn thời gian thực hiện dự án.

II. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, kết hợp xây dựng mới đồng bộ mạng lưới đường và cầu GTNT của tỉnh đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển phục vụ có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thu hẹp khoảng cách nâng cao đời sống của đồng bào vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

Đến năm 2030, tỷ lệ đường xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt trên 90%; tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt trên 95%; trong đó ưu tiên hoàn thành tiêu chí về giao thông trong Chương trình mục tiêu quốc

gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; nâng tỷ lệ cứng hóa mặt đường GTNT các loại đạt tỷ lệ trên 85%. Đầu tư xây dựng tối thiểu 120 cầu GTNT; 100% các cầu GTNT đã được xây dựng kiên cố được quản lý, bảo trì theo quy định.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đường giao thông nông thôn:

Giai đoạn 2026-2030 phấn đấu rải nhựa hoặc bê tông đường xã thêm được 500km, nâng tỷ lệ đường xã được rải nhựa hoặc bê tông đến hết năm 2030 đạt 2.652km/2.732km;

Phấn đấu giai đoạn 2026-2030 cứng hóa thêm được 450km đường đến trung tâm thôn, tương ứng số thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hoá thêm được tối thiểu 50 thôn, nâng tổng số thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt 1.455/1.515 thôn.

Giai đoạn 2026-2030, cứng hóa thêm được 1.703km mặt đường GTNT các loại, trong đó: Đường xã: Giai đoạn 2026-2030 cứng hoá thêm được 500km, nâng tổng chiều dài đường trục xã được cứng hóa đến hết năm 2030 là 2.652km/2.732km; hệ thống đường thôn: Giai đoạn 2026-2030 cứng hóa thêm được 450km, nâng tổng chiều dài đường thôn được cứng hóa đến hết năm 2030 là 2.031km/2.256km; Hệ thống đường ngõ xóm: Giai đoạn 2026-2030 cứng hóa thêm được 500km, nâng tổng chiều dài đường ngõ xóm được cứng hóa đến hết năm 2030 là 3.000km/4.080km; Hệ thống đường trục chính nội đồng: Giai đoạn 2026-2030 cứng hóa thêm được 253km, nâng tổng chiều dài đường trục chính nội đồng được cứng hóa đến hết năm 2030 là 447km/447km, nâng tổng số mặt đường GTNT được cứng hóa đến hết năm 2030 đạt 8.130km/9.514km.

b) Cầu giao thông nông thôn:

Giai đoạn 2026 - 2030 phấn đấu hoàn thành xây dựng mới 120 cầu GTNT; 100% các cầu giao thông nông thôn đã được xây dựng kiên cố được quản lý, bảo trì theo quy định.

III. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH

1. Nguyên tắc

a) Nguyên tắc chung

Phát triển cầu và đường GTNT với phương châm *"Nhà nước và Nhân dân cùng làm", "dân làm, Nhà nước hỗ trợ"*, Nhân dân tự nguyện hiến đất để giải phóng mặt bằng.

Việc quản lý, đầu tư phát triển mạng lưới GTNT do cấp xã chủ động, chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Ủy ban nhân dân cấp xã cử cán bộ kỹ thuật của cơ quan chuyên môn thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.

b) Đối với đường giao thông nông thôn

Nhà nước hỗ trợ các loại vật tư, vật liệu chính gồm xi măng, cát, đá hoặc sỏi đổ bê tông (đối với mặt đường bê tông xi măng); đối với các tuyến gia cố nền đường bằng tro bay, tro xỉ, phụ gia (đối với mặt đường đá dăm láng nhựa)

sẽ được hỗ trợ vật liệu chính, vật liệu phụ, hỗ trợ chi phí máy, hỗ trợ thi công; hỗ trợ chi phí quản lý, giám sát, hướng dẫn kỹ thuật, thanh quyết toán công trình...Nhân dân đóng góp phần vật liệu còn lại và thi công các hạng mục khác không được hỗ trợ trong Đề án này (nền đường, đắp lề đường, rãnh thoát nước, duy tu bảo dưỡng thường xuyên đường...) đảm bảo đồng bộ.

Đối tượng hỗ trợ bao gồm hệ thống đường GTNT theo tiêu chí nông thôn mới: (1) đường xã; (2) đường thôn; (3) đường ngõ xóm; (4) đường trục chính nội đồng trong giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030. Phần mặt đường các tuyến đường xã, đường thôn, đường ngõ xóm và đường trục chính nội đồng; khuyến khích mở rộng mặt đường đối với các đoạn đã được đầu tư giai đoạn trước có mặt đường nhỏ hẹp.

c) Đối với cầu giao thông nông thôn

Hỗ trợ đầu tư phần cầu chính từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách xã và huy động từ nguồn xã hội hoá. Nhân dân tự đóng góp kinh phí thực hiện thi công nền, mặt đường hai bên đầu cầu tối thiểu mỗi bên 10m tính từ đuôi mố cầu trở ra.

2. Tiêu chí xác định các danh mục công trình ưu tiên hỗ trợ đầu tư

a) Ưu tiên 1: các công trình thuộc các xã điểm phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trong năm kế hoạch và các xã tự đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới trong năm.

b) Ưu tiên 2: các công trình đã có sẵn mặt bằng thi công hoặc cam kết của Nhân dân tự nguyện hiến đất mở rộng nền, mặt đường.

c) Ưu tiên 3: các công trình thuộc các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới.

d) Ưu tiên 4: các công trình thuộc các xã có đường đến trung tâm xã chưa được nhựa hóa, bê tông hóa.

3. Cơ chế thực hiện đầu tư

a) Trình tự, thủ tục đầu tư công trình GTNT thực hiện theo Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình GTNT theo quy định.

b) Đối với những công trình đường GTNT có quy mô kỹ thuật đơn giản, không phức tạp sử dụng "Thiết kế mẫu đường giao thông nông thôn"; được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Đối với những công trình có các hạng mục khác như: Nền đường (trừ nền đường được gia cố bằng tro bay, tro xỉ, phụ gia áp dụng cho mặt đường đá dăm láng nhựa), ngầm, cống, kè, rãnh thoát nước và các công trình phụ trợ khác chủ đầu tư phải lồng ghép các nguồn vốn triển khai thực hiện đồng bộ đảm bảo yêu cầu khai thác, sử dụng. Khuyến khích sự đóng góp và tự tổ chức thi công của nhân dân theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

d) Thực hiện giám sát cộng đồng (các xã cử cán bộ kỹ thuật của phòng chuyên môn tham gia giám sát cùng cộng đồng dân cư).

4. Cơ chế hỗ trợ

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ đường xã

- Hỗ trợ 100% vật liệu xi măng, cát, đá hoặc sỏi, chi phí máy thi công; hỗ trợ 50% vật liệu phụ và chi phí nhân công để xây dựng mặt đường bê tông xi măng.

- Hỗ trợ 100% vật liệu tro bay, tro xỉ, xi măng, nhựa đường, đá, vật liệu phụ, chi phí máy thi công; hỗ trợ 50% chi phí nhân công để làm mặt đường láng nhựa (sử dụng các chất gia cố: xi măng, tro bay, tro xỉ, phụ gia để gia cố nền, mặt đường được láng nhựa, nhũ tương hoặc cacboncor).

- Hỗ trợ các khoản chi khác cho đường xã gồm: tư vấn kỹ thuật, quản lý tiến độ, chất lượng thi công, lập hồ sơ dự toán công trình, lập hồ sơ thanh quyết toán,... với giá trị tối đa bằng 5% tổng dự toán được phê duyệt, nhưng không quá 150 triệu đồng/1 công trình.

b) Ngân sách xã hỗ trợ đường thôn, ngõ xóm, nội đồng

- Hỗ trợ 100% vật liệu xi măng, cát, đá hoặc sỏi để làm mặt đường bê tông xi măng. Không hỗ trợ thi công đường thôn, phần thi công do cộng đồng dân cư huy động, đóng góp... tự tổ chức thực hiện.

- Hỗ trợ 100% vật liệu tro bay, tro xỉ, xi măng, nhựa đường, đá, vật liệu phụ và chi phí máy thi công làm mặt đường láng nhựa (sử dụng các chất gia cố: xi măng, tro bay, tro xỉ, phụ gia để gia cố nền, mặt đường được láng nhựa, nhũ tương hoặc cacboncor). Các chi phí nhân công do cộng đồng dân cư huy động, đóng góp... tự tổ chức thực hiện.

- Hỗ trợ các khoản chi khác cho đường thôn gồm: Tư vấn kỹ thuật, quản lý tiến độ, chất lượng thi công, lập hồ sơ dự toán công trình, lập hồ sơ thanh quyết toán,... với giá trị tối đa bằng 5% tổng dự toán được phê duyệt, nhưng không quá 150 triệu đồng/1 công trình.

- Hỗ trợ toàn bộ xi măng làm mặt đường bê tông xi măng đường ngõ xóm và trục chính nội đồng. Chi phí: Cát, đá, nhân công, vật liệu phụ do cộng đồng dân cư chủ động huy động, đóng góp... tự tổ chức thực hiện.

c) Hỗ trợ cầu giao thông nông thôn

Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ tối đa 90%, ngân sách xã tối thiểu 10% và nguồn huy động từ nguồn xã hội hoá thực hiện phần cầu chính (tuỳ theo khả năng huy động của từng địa phương). Nhân dân tự đóng góp kinh phí thực hiện thi công nền, mặt đường hai bên đầu cầu tối thiểu mỗi bên 10m tính từ đuôi mố cầu trở ra.

d) Đóng góp của nhân dân: tự nguyện hiến đất để giải phóng mặt bằng, đóng góp phần vật liệu còn lại, tổ chức thi công xây dựng công trình và các hạng mục khác không được hỗ trợ trong Đề án này đảm bảo đồng bộ.

5. Quy mô áp dụng

a) Đối với đường giao thông nông thôn

Vận dụng lựa chọn quy mô theo Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 và thiết kế mẫu mặt đường giao thông nông thôn do UBND tỉnh phê duyệt, cụ thể:

- Đối với mặt đường bê tông xi măng: áp dụng 04 cấp (cấp A, cấp B, cấp C và cấp D) tương ứng với từng loại đường xã, đường thôn, trục chính nội đồng và đường ngõ xóm, cụ thể:

Cấp đường	Loại đường	Quy mô chính (*)
Cấp A	Đường xã	Mặt đường 3,5m, dày 20cm
Cấp B	Đường xã, đường thôn	Mặt đường 3,0m, dày 18cm
Cấp C	Đường thôn, trục chính nội đồng	Mặt đường 2,0m, dày 14cm
Cấp D	Đường ngõ xóm	Mặt đường 1,0m, dày 10cm

(*) Lưu ý: quy định về chiều rộng tối thiểu của mặt đường đối với các cấp đường GTNT. Trường hợp đối với những khu vực kinh tế phát triển hoặc có khối lượng vận chuyển hành khách và hàng hóa lớn có thể lựa chọn quy mô đường cấp cao hơn phù hợp với điều kiện của địa phương. Ngoài ra trong quá trình triển khai cần ưu tiên xây dựng kiên cố hóa đồng bộ rãnh dọc thoát nước dọc tuyến.

- Đối với mặt đường láng nhựa: áp dụng cho loại đường trục xã, trục thôn có mặt đường rộng trung bình 3,5m, chiều dày gia cố 20cm, mặt đường láng nhựa.

(*Chi tiết phương án tính toán tại Phụ lục số 04 kèm theo*).

b) Đối với cầu giao thông nông thôn

Thực hiện phương án xây dựng cầu với quy mô chủ yếu như sau *(tuỳ thuộc vào địa hình cho phép và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để lựa chọn quy mô cho phù hợp)*:

+ Tải trọng thiết kế: 0,65HL93;

+ Khổ cầu từ 3,0m trở lên, lan can hai bên rộng 0,25m x 2 = 0,5m;

+ Chiều dài cầu: lựa chọn định hình chung là L = 6m đến 36m;

+ Mố cầu có cấu tạo bằng bê tông, bê tông cốt thép, đá xây. Việc xử lý nền móng công trình sẽ căn cứ vào kết quả khảo sát địa chất, thủy văn… và tính toán cụ thể đối với từng vị trí cầu để đưa ra phương án xử lý phù hợp đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng;

+ Dầm cầu bằng bê tông cốt thép, dầm liên hợp, dầm thép;

+ Đường dẫn 2 đầu cầu có chiều dài tối thiểu 10m tính từ đuôi mố ra mỗi bên và có quy mô thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp A

(Bnền= 5,0m, Bmặt= 3,5m) trở lên, mặt đường bằng bê tông xi măng M250, dày 20cm; trên lớp móng cấp phối đá dăm (hoặc sỏi suối), dày 12cm.

IV. NHU CẦU NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ

1. Nhu cầu vốn đầu tư: Tổng kinh phí thực hiện dự kiến đối với xây dựng đường giao thông nông thôn và cầu giao thông nông thôn giai đoạn 2026 - 2030 là 2.021,1 tỷ đồng.

a) Đường giao thông nông thôn: khối lượng thực hiện cho cả giai đoạn 2026-2030 là 1.703Km với tổng kinh phí 1.838,1 tỷ đồng, cụ thể như sau:

TT	Loại đường	Khối lượng (Km)	Kinh phí	Ngân sách Nhà nước hỗ trợ
1	Đường xã (cấp A,B)	500	852.784	762.929
2	Đường thôn (cấp B,C)	450	514.342	395.793
3	Đường trục chính nội đồng (cấp C)	253	204.786	50.440
4	Đường ngõ, xóm (cấp D)	500	266.165	65.417
	Tổng cộng	**1.703**	**1.838.077**	**1.274.579**

Cơ cấu vốn cụ thể như sau: vốn ngân sách hỗ trợ là 1.274,6 tỷ đồng chiếm 69%, vốn huy động khác là 563,5 tỷ đồng chiếm 31%.

b) Cầu giao thông nông thôn: khối lượng thực hiện cho cả giai đoạn 2026-2030 khoảng 120 cầu, với nhu cầu kinh phí đầu tư xây dựng cầu GTNT là 183,0 tỷ đồng. Trong đó ngân sách tỉnh tối đa là 164,7 tỷ đồng chiếm 90%; ngân sách xã 18,3 tỷ đồng chiếm 10%, nguồn huy động từ nguồn xã hội hoá. Kinh phí nhân dân tự đóng góp thực hiện phần đường dẫn hai bên đầu cầu là: 9,6 tỷ đồng.

(Chi tiết cơ cấu vốn tại Phụ lục số 04, 05, 06 kèm theo)

2. Nguồn vốn và phân cấp vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ

Ngân sách nhà nước hỗ trợ giai đoạn 2026-2030 là 1.457,6 tỷ đồng, cụ thể như sau:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ giai đoạn 2026-2030 là 927,6 tỷ đồng:

- Nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 hỗ trợ 300 tỷ đồng (trong đó hỗ trợ xây dựng đường GTNT là 187,0 tỷ đồng, hỗ trợ xây dựng cầu GTNT là 113 tỷ đồng), tương ứng 60 tỷ đồng/năm;

- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia là 320 tỷ đồng, tương ứng 64 tỷ đồng/năm (đầu tư đường xã);

- Bố trí từ nguồn chi khác ngân sách tỉnh, nguồn vượt thu và các nguồn vốn hợp pháp khác là 307,6 tỷ đồng (trong đó hỗ trợ xây dựng đường GTNT là 255,9 tỷ đồng, hỗ trợ xây dựng cầu GTNT là 51,7 tỷ đồng), tương ứng 61,5 tỷ đồng/năm.

b) Ngân sách xã hỗ trợ giai đoạn 2026-2030 là 530,0 tỷ đồng:

- Vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách xã hỗ trợ 251,9 tỷ đồng, tương ứng 50,4 tỷ đồng/năm;

- Các nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn dự phòng, nguồn chi khác ngân sách xã và các nguồn hợp pháp khác là 278,1 tỷ đồng, tương ứng 55,6 tỷ đồng/năm.

Việc bố trí vốn cho Đề án cụ thể hằng năm giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách và tiến độ thực hiện các dự án, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.

(Chi tiết nguồn vốn, phân cấp hỗ trợ có phụ lục số 06 kèm theo)

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong đầu tư phát triển giao thông nông thôn. Các sở, ngành liên quan theo chức năng nhiệm vụ chủ động triển khai nhiệm vụ phát triển đường giao thông nông thôn; tăng cường công tác tuyên truyền sâu, rộng trong các tầng lớp Nhân dân về chủ trương xây dựng đường GTNT theo hình thức *"Nhà nước hỗ trợ, Nhân dân làm"*, *"Dân cần, dân biết, dân bàn, dân đóng góp, dân làm, dân kiểm tra, dân quản lý và dân thụ hưởng"* để Nhân dân hiểu, tự giác và chủ động triển khai thực hiện.

2. Giải pháp về vốn: Tăng cường quản lý thu, chi ngân sách, thực hành tiết kiệm chi thường xuyên để tăng nguồn thu, bổ sung vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng GTNT; tranh thủ tối đa các nguồn vốn của trung ương, vốn các chương trình mục tiêu (nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Dân tộc thiểu số - Miền núi) và các nguồn hợp pháp khác để đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; huy động vốn đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức (nhất là các doanh nghiệp khai thác, chế biến, tiêu thụ khoáng sản), cá nhân, các nhà hảo tâm, các Doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng hạ tầng giao thông trong khu vực để xây dựng đường GTNT.

3. Về nguồn nhân lực: tuyển dụng nguồn nhân lực có trình độ, năng lực phục vụ quản lý ngành; có chính sách đãi ngộ thoả đáng nhằm giữ và thu hút nhân tài; tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ có đủ trình độ tiếp cận những tiến bộ mới về khoa học kỹ thuật; thực hiện đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ hiện có nhằm đáp ứng được nhiệm vụ trong thời gian tới.

4. Áp dụng khoa học kỹ thuật: tăng cường nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, tiêu chuẩn kỹ thuật, khuyến khích áp dụng công nghệ mới, vật liệu mới; mua thiết bị thi công kèm chuyển giao công nghệ tiên tiến hiện đại để đáp ứng yêu cầu.

5. Hợp tác quốc tế: đẩy mạnh giao lưu, trao đổi nhằm nâng cao trình độ, kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực quản lý nhà nước về GTNT.

6. Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án ở cấp xã để giúp việc cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp mình tổ chức thực hiện Đề án có hiệu quả.

Phần IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

UBND cấp xã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án với thành phần Trưởng ban là đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân; các thành viên gồm lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn; cơ quan Thường trực là bộ phận chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về Kinh tế ở cấp xã (Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đối với UBND Phường).

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

1. Sở Xây dựng

a) Làm cơ quan đầu mối hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Đề án; theo dõi, tổng hợp, định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, kết quả thực hiện Đề án.

b) Chủ trì phối hợp Sở Tài chính và cơ quan liên quan đề xuất, bố trí vốn để thực hiện đề án đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề án đã xác định.

c) Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật trong thực hiện công tác quản lý chất lượng xây dựng và quản lý, bảo trì công trình GTNT;

d) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng các văn bản hướng dẫn cơ chế thực hiện đầu tư để triển khai thực hiện.

đ) Tổng hợp danh mục các công trình GTNT cần được hỗ trợ đầu tư xây dựng cho từng xã, gửi Sở Tài chính trước **ngày 30 tháng 9 của năm trước** để làm cơ sở cho việc lập kế hoạch kế hoạch đầu tư công năm sau, đồng thời trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục đầu tư theo quy định.

2. Sở Tài chính:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển GTNT trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch vốn hàng năm và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã lập kế hoạch hằng năm cho việc thực hiện Đề án.

b) Chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan cân đối, bố trí kế hoạch đầu tư công vốn NSĐP (ngân sách tỉnh) hằng năm thực hiện hỗ trợ đường xã theo nội dung Đề án.

c) Tham mưu lồng ghép các nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia (giảm nghèo bền vững, nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Dân tộc thiểu số - Miền núi) theo danh mục công trình phân bổ hàng năm.

d) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan cân đối, bố trí kế hoạch vốn hằng năm thực hiện hỗ trợ đường trục xã theo nội dung Đề án.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Tham mưu phối hợp triển khai lồng ghép kinh phí từ các nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn để hỗ trợ thực hiện Đề án. Hướng dẫn, phối hợp UBND các xã thực hiện thủ tục chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi Nhân dân hiến đất giải phóng mặt bằng.

4. Sở Dân tộc và Tôn giáo

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính và các địa phương xác định nhu cầu đầu tư giao thông nông thôn tại các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới; bảo đảm việc lựa chọn các danh mục công trình ưu tiên phù hợp với tiêu chí của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030.

b) Tham mưu phối hợp triển khai lồng ghép Chương trình Mục tiêu quốc gia vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để hỗ trợ thực hiện Đề án.

c) Phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số tham gia phong trào làm đường giao thông nông thôn; phát huy vai trò cộng đồng trong hiến đất, góp vật liệu, đóng góp công lao động, giám sát cộng đồng thông qua các Dự án thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Các Sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ thực hiện Đề án này.

6. Ủy ban nhân dân các xã

a) Lập kế hoạch hằng năm cho việc thực hiện Đề án.

- Cân đối bố trí các nguồn vốn ngân sách xã hằng năm thực hiện nội dung các trục đường còn lại (đường thôn, ngõ xóm, nội đồng...), chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có) theo Đề án.

- Kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn các thôn trong quá trình tổ chức thực hiện; theo dõi, hướng dẫn các thôn đăng ký danh mục đường thôn, ngõ xóm và trục chính nội đồng và cầu GTNT cần hỗ trợ để xây dựng kế hoạch hằng năm;

- Hằng năm, UBND các xã xây dựng kế hoạch đầu tư các tuyến đường xã theo danh mục dự kiến đầu tư đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tế, phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư các tuyến đường xã và cầu GTNT trong trường hợp cần thiết, gửi Sở Xây dựng để tổng hợp.

b) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện tuyên truyền, vận động, phát động thi đua thực hiện phong trào phát triển giao thông nông thôn gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới; quản lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng các công trình GTNT trên địa bàn được giao quản lý.

c) Chủ trì triển khai, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và quản lý mọi mặt công tác phát triển GTNT trên địa bàn.

d) Rà soát, quyết định loại đường thôn, ngõ xóm và trục chính nội đồng, trên cơ sở thẩm định, thỏa thuận bằng văn bản của Phòng chuyên môn cấp xã.

đ) Tổ chức bàn giao các tuyến đường đã xây dựng, nghiệm thu xong cho thôn, cụm dân cư sử dụng, quản lý và bảo trì.

e) Thực hiện việc sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Xây dựng) về tình hình, kết quả thực hiện Đề án.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lạng Sơn và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp để tổ chức phổ biến, tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của Đề án; tham gia tích cực việc giám sát cộng đồng đối với các hoạt động xây dựng và phát triển GTNT./.